

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6 - Đ  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST.

Ngày: 24-9-2025.

V/v tranh chấp dân sự về  
ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - Đ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê V*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang Q

2. Bà Bùi Thị K

*- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng M, thư ký Tòa án.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh X - Kiểm sát viên.*

Trong các ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TB-TLVA, ngày 03 tháng 02 năm 2025, về việc “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Nguyễn Hồng G, sinh năm 1971*

Địa chỉ: Số 173, đường Bùi Hữu Nghĩa, tổ 10, ấp Z, xã D, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm Z, phường C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G: Ông Trần Hà Xuân S, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 95, đường Phạm Ngũ Lão, phường C, tỉnh Đ.

*- Bị đơn: Đặng Minh Q, sinh năm 1974*

Địa chỉ: Số 177, tổ 10, ấp Z, xã D, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm Z, phường C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q: Ông Phạm Hoàng G, Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh Anh Em Luật sư – Chi nhánh tỉnh Đ.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1946

Địa chỉ: Số 379, tổ 10, ấp Tịnh Mỹ, xã A, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm Tịnh Mỹ, phường C, tỉnh Đ.

2. Võ Thị G, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 512, đường 30/4, tổ 9, ấp 1, xã Mỹ Q, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm 9, phường X, tỉnh Đ.

3. Nguyễn Thị E, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 365, tổ 11, ấp Q Hậu, xã Q Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm Q Hậu, phường C, tỉnh Đ.

4. Nguyễn Văn N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 330, đường Thiên Hộ Dương, tổ 27, khóm Mỹ Thuận, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đ nay là xã L, tỉnh Đ.

5. Nguyễn Thành C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Nhà Eg số, tổ 17, ấp Hòa Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đ nay là phường R, tỉnh Đ.

6. Nguyễn Thị D, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 221, tổ 6, ấp Z, xã D, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm Z, phường C, tỉnh Đ.

7. Bà Trà Thị Yến T, sinh năm 1977

8. Đặng Thị Bảo P, sinh năm 2000

9. Đặng Văn Bảo L, sinh năm 2007

Người địa diện của Đặng Văn Bảo L: Đặng Minh Q, sinh năm 1974 và bà Trà Thị Yến T, sinh năm 1977 (cha mẹ ruột).

Địa chỉ: Số 177, tổ 10, ấp Z, xã D, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm Z, phường C, tỉnh Đ.

*Ông Nguyễn Hồng G, ông Trần Hà Xuân Phong, ông Đặng Minh Q, ông Phạm Hoàng Đức và bà Trà Thị Yến T có mặt.*

*Bà Đặng Thị Bảo P, bà Nguyễn Ngọc P, bà Võ Thị G, bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện của Nguyễn Hồng G trình bày:*

Hộ bà Lê Thị G đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R723913, vào sổ cấp GCN: 2656 QSDD/T1 do UBND thị xã C nay là thành phố C cấp ngày 13/07/2001, gồm các thửa đất: Thửa số 436, diện tích 300 m<sup>2</sup>; Thửa số 435, diện tích 1.345 m<sup>2</sup>; Thửa số 432, diện tích 5.200 m<sup>2</sup>; Thửa số 433, diện tích 1.300 m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã D, thành phố C, tỉnh Đ nay là phường C, tỉnh Đ.

Ngày 09/02/2023, bà Lê Thị G chết, bà Lê Thị G có 7 người con gồm: Nguyễn Hồng G, Nguyễn Ngọc P, Võ Thị G, Nguyễn Thị E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị D. Anh em ông G Eg yêu cầu chia thừa kế.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, các anh em ông G có ký văn bản thỏa thuận về nội dung thống nhất cho ông G đăng ký quyền sử dụng đất do mẹ ông G để lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất R723913, vào sổ cấp GCN: số 2656QSDD/T1, ngày 13/7/2001, gồm các thửa đất sau: Thửa số 436, thửa số 435, thửa số 432, thửa số 433, tờ bản đồ số 5. Các thửa đất giáp với một bên thửa đất 76, 21 cùng tờ bản đồ số 10 là đất của ông Đặng Minh Q thuộc thửa 168, 277 cùng tờ bản đồ số 10, trước đây giữa hai thửa đất có căn trụ đá hai đầu để xác định ranh giới giữa hai bên đất.

Qua thời gian trụ ranh phía sau (gần khu mộ) vẫn còn nguyên hiện trạng. Còn lại trụ đá ranh phía trước đường (Bùi Hữu Nghĩa) bị chôn lấp dưới chân đường nên hai bên thống nhất đào sâu xuống khoảng một mét và đã tìm thấy được trụ đá ranh đất (cha ông G và cha ông Q cùng thống nhất trông trụ đá để xác định ranh đất). Ngày 08/6/2023, với sự chứng kiến của Cán bộ địa chính xã

D và Trương áp Z, hai bên đã đào tìm được trụ đá cũ bên dưới và nối thêm trụ đá lên phía trên ngay đúng vị trí trụ đá cũ bên dưới. Việc làm trên được lập Biên bản nội dung và có vẽ sơ đồ cụ thể, hai bên cùng với những người chứng kiến ký tên ngày 08/6/2023.

Ngày 25/01/2024, ông G L hành xây N hàng rào nhưng ông Q ngăn cản Eg cho ông G xây và đã có hành vi đập phá hàng rào thợ đang xây. Đồng thời ông Q cũng xây góc hàng rào lấn qua đất ông G một trụ đá và rào lưới B40. Như vậy, ông Q đã bao chiếm và tranh chấp phần đất với ông G cụ thể như sau: phần đất có diện tích 29,6m<sup>2</sup> (ngang 0,4m dài 74m<sup>2</sup>), đất tọa lạc tại xã D, TP C, tỉnh Đnay là phường C, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồng G thống nhất xác định ranh giới từ mốc 11 đến mốc M là 70,62 mét.

- Ông Đặng Minh Q trình bày:

Nguồn gốc đất do cha mẹ để lại:

Thửa đất 168, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành A0 964569, số vào sổ cấp GCN: H.07671, ngày 13/8/2009 do ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yên T đứng tên, đất tọa lạc tại xã D, TP C, tỉnh Đnay là phường C, tỉnh Đ.

Thửa đất 277, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD431566, số vào sổ cấp GCN: CS08072, ngày 06/01/2022 do ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yên T đứng tên.

Hai bên Eg có làm ranh đất, Eg có trồng trụ đá, vách tường sân trước nhà ông Q chưa tới ranh đất.

Trước đây, ông Phàn (cha ông G) có trồng trụ đá ranh Eg nhớ năm nào nhưng trước năm 1990, khi đó cha ông Q ngăn cản nhưng Eg được. Khi Nhà nước mở rộng đường Bùi Hữu Nghĩa thì trụ đá mất do máy Kobe móc đất. Sau đó, ông G trồng lại trụ đá cách hàng tường sân trước nhà ông Q ba tấc. Khi cán bộ địa chính đến đo đạc kéo bằng dây (dây gân màu đen) ông Q tưởng kéo đúng ranh nên ký tên vào biên bản ngày 08/6/2023, hai ngày sau ông Q phát hiện kéo Eg đúng ranh nên ông Q gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã D, Ủy ban nhân dân xã có mời ông Q đến Ủy ban làm việc, ông Q ý kiến là Eg đồng ý việc xác định ranh như biên bản ngày 08/6/2023, Ủy ban xã có lập biên bản ghi nhận ý kiến Eg đồng ý của ông Q.

Tại phiên tòa, ông Đặng Minh Q thống nhất xác định ranh giới từ mốc 11 đến mốc M là 70,62 mét.

Tại phiên tòa, bà Trà Thị Yên T thống nhất xác định ranh giới từ mốc 11 đến mốc M là 70,62 mét.

- Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Eg có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

- Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

**VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG :**

. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán

- Quá trình giải quyết vụ việc của Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về: Xử lý đơn khởi kiện (Điều 191, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết (Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định tư cách đương sự (Đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự), việc cấp tổng đạt các thông báo, quyết định của Tòa án (Điều 171 của Bộ luật tố tụng dân sự), thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và L hành hòa giải (Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự), thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định quan hệ tranh chấp đúng theo quy định pháp luật.

. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng  
Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN :**

Công nhận thỏa thuận giữa ông Nguyễn Hồng G và ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yên T. Về ranh chung giữa thửa 76 (thửa cũ : Thửa số 436; Thửa số 435; Thửa số 432; Thửa số 433) và thửa 277, thửa 168 là đoạn thẳng nối giữa các mốc M -11.

Ranh giới giữa các bên được xác định từ Eg gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và Eg làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Sau khi xác định ranh như trên nếu tài sản của người này trên đất người kia phải di dời tháo dỡ trả lại đất cho người sử dụng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự Eg xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bà Đặng Thị Bảo P, bà Nguyễn Ngọc P, bà Võ Thị G, bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử L hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hồng G tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đ.

[3]. Về nội dung:

Bà Lê Thị G đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R723913, vào sổ cấp GCN: 2656 QSDĐ/T1 do UBND thị xã C nay là thành phố

C cấp ngày 13/07/2001. Hộ bà Lê Thị G gồm có các thửa đất: Thửa số 436, diện tích 300 m<sup>2</sup>; Thửa số 435, diện tích 1.345 m<sup>2</sup>; Thửa số 432, diện tích 5.200 m<sup>2</sup>; Thửa số 433, diện tích 1.300 m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã D, thành phố C, tỉnh Đ.

Ngày 09/02/2023, bà Lê Thị G chết, bà Lê Thị G có 7 người con là: Nguyễn Hồng G, Nguyễn Ngọc P, Võ Thị G, Nguyễn Thị E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị D. Anh em ông G Eg yêu cầu chia thừa kế. Ngày 17 tháng 10 năm 2024, các anh em ông G ký văn bản thỏa thuận về nội dung thống nhất cho ông G đăng ký quyền sử dụng đất các thửa đất trên. Tuy nhiên, đến nay ông G chưa xin làm thủ tục cấp đổi giấy.

Ông Nguyễn Hồng G trình bày, ranh đất giáp đường Bùi Hữu Nghĩa trước có trồng trụ đá. Sau này, khi Nhà nước làm đường (đường Bùi Hữu Nghĩa) thì nâng đường cao hơn 01 mét đã lấp trụ đá cũ. Do ông Q cho rằng bên ông Nguyễn Hồng G trồng cây (xoài, mận) qua đất ông Q, nên ông G yêu cầu cán bộ Ủy ban xã Hoà An đến xác định ranh. Ngày 8/6/2023, cán bộ địa chính xã đến đào tìm trụ đá vẫn còn vị trí cũ cách vách bó nền sân nhà ông Q 0,3 mét, lập biên bản về việc thỏa thuận ranh đất giữa ông Nguyễn Hồng G và Đặng Minh Q, hai bên ký tên. Ngày 25/01/2024, ông G L hành xây N hàng rào nhưng ông Q ngăn cản Eg cho ông G xây và đã có hành vi đập phá hàng rào thợ đang xây.

Nguồn gốc đất của ông Q, bà T do cha mẹ ông Q để lại thửa đất 168, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành A0 964569, số vào sổ cấp GCN: H.07671, ngày 13/8/2009 do ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yến T đứng tên, đất tọa lạc tại xã D, TP C, tỉnh Đ và thửa đất 277, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD431566, số vào sổ cấp GCN: CS08072, ngày 06/01/2022 do ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yến T đứng tên. Hai bên Eg có làm ranh đất, Eg có trồng trụ đá, vách tường sân nhà ông Q chưa tới ranh đất.

Trước đây, cha ông G (tên Phàn) có trồng trụ đá Eg nhớ năm nào nhưng trước năm 1990, lúc đó cha ông Q ngăn cản nhưng Eg được. Khi Nhà nước mở rộng đường Bùi Hữu Nghĩa thì trụ đá mất do máy Kobe móc đất. Sau đó, ông G trồng trụ đá lại trụ cách hàng tường sân nhà ông Q ba tấc (nay tại mốc D). Khi cán bộ địa chính đến đo đạc kéo bằng dây (dây gân màu đen) ông Q tưởng kéo đúng ranh nên ký tên vào biên bản ngày 08/6/2023, hai ngày sau ông Q phát hiện kéo Eg đúng ranh nên ông Q gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã D, Ủy ban nhân dân xã có mời ông Q đến Ủy ban làm việc, ông Q ý kiến là Eg đồng ý việc xác định ranh như biên bản ngày 08/6/2023, Ủy ban xã có lập biên bản ghi nhận ý kiến Eg đồng ý của ông Q và ông Q ký tên vào biên bản.

Theo công văn số 2298.CNVPĐKĐĐT PCL.KTĐC, ngày 18/6/2025 xác định: *“diện tích đất nằm trong phạm vi các mốc C, 11, M, C trong đó có một phần tương ứng vị trí của thửa đất 76, tờ bản đồ số 10 qua tra cứu phần mềm chuyên ngành Eg có thông tin chủ sử dụng; một phần tương ứng vị trí đất của thửa 277 và thửa 268 cùng tờ bản đồ số 10 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yến T.*

*Phần diện tích đất nằm trong phạm vi các mốc M, 11, D, M trong đó có một phần tương ứng vị trí của thửa 277 và thửa 268 cùng tờ bản đồ số 10 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yến T”.*

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồng G, ông Đặng Minh Q và bà Trà Thị Yến T thống nhất xác định ranh đất từ mốc 11 đến mốc M, do đó công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên về xác định ranh đất.

Xét ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đ là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên về xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

Ranh đất thửa 76 (*thửa cũ: số 436, số 435, số 432, số 433, tờ bản đồ số 5*), tờ bản đồ số 10 với thửa 277, 168 (của ông Q, bà T), tờ bản đồ số 10, như sau: Nối đoạn thẳng từ mốc 11 đến M là 70,62 mét làm ranh đất chung, tọa lạc phường C, tỉnh Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng G tự nguyện chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Về chi phí tố tụng (*xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá*) số tiền 10.391.000 đồng, do các bên thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa nên mỗi bên chịu 50% chi phí tố tụng, cụ thể ông Nguyễn Hồng G chịu số tiền 5.195.500 đồng, ông Đặng Minh Q chịu số tiền 5.195.500 đồng. Ông G đã nộp và chi xong, do đó, ông Đặng Minh Q phải trả lại cho ông G số tiền 5.195.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, Điều 246 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 31 của Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Hồng G và ông Đặng Minh Q, bà Trà Thị Yến T về việc thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất từ mốc 11 đến mốc M là 70,62 mét, tọa lạc phường C, Tỉnh Đ.

Ranh đất thửa 76 (*thửa cũ: số 436, số 435, số 432, số 433, tờ bản đồ số 5*), tờ bản đồ số 10 với thửa 277, thửa 168, tờ bản đồ số 10 (*của ông Đặng Minh Q, bà Trà Thị Yến T*), như sau: Nối đoạn thẳng từ mốc 11 đến M là 70,62 mét làm ranh đất chung, tọa lạc phường C, tỉnh Đ. Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ Eg gian đến lòng đất theo qui định pháp luật. Sau khi xác

định ranh xong nếu tài sản của bên nào vi phạm qua ranh đất phải tự tháo dỡ, di dời về phần đất của mỗi bên được quyền sử dụng.

*(kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2025, biên bản ngày 23/7/2025; sơ đồ đo đạc ngày 05/3/2025, sơ đồ đo đạc ngày 4/9/2025).*

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng G tự nguyện chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí tòa án số 0013256, ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đnay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Đ. Ông Nguyễn Hồng G đã nộp đủ án phí.

Về chi phí tố tụng *(xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá)* số tiền 10.391.000 đồng, do các bên thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa nên mỗi bên chịu 50% chi phí tố tụng, cụ thể ông Nguyễn Hồng G chịu số tiền 5.195.500 đồng, ông Đặng Minh Q chịu số tiền 5.195.500 đồng. Ông G đã nộp và chi xong, do đó, ông Đặng Minh Q phải trả lại cho ông G số tiền 5.195.500 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*